

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2022
V/v “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Phúc;

2. Bà Mai Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 199/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1993 (có mặt);

Cư trú: Ấp CT, xã CĐ, huyện CT, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp CT, xã CĐ, huyện CT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tấn Đ sống chung với nhau từ năm 2015, hôn nhân do mai mối, xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã AH, huyện CT (*giấy đăng ký kết hôn số 42, quyền số 01/2015 ngày 09/4/2015*). Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống bên nhà chồng được 03 năm, sau đó về ở nhà mẹ ruột chị, cuộc sống hạnh

phúc được khoảng hơn 06 năm thì đến ngày 30/4/2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, không tôn trọng và quan tâm lẫn nhau, thường xuyên cự cãi, anh Đ có thái độ bất kính với mẹ chị, bản thân anh Đ thường xuyên ăn nhậu, không lo cho vợ ... dẫn đến mất tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Ngọc Q yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ.

Về quan hệ con chung, cấp dưỡng: Không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ:* Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng anh Đ đều vắng mặt không lý do. Qua chứng cứ hồ sơ thể hiện anh Nguyễn Tấn Đ có nơi cư trú tại ấp CT, xã CD, huyện CT, tỉnh An Giang; Hiện tại anh Nguyễn Tấn Đ đi làm ăn xa, thường xuyên vắng mặt tại nhà và không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Q.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Quý xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ; Về con chung: Không có; Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đ: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Q, giải quyết cho chị Quý được ly hôn với anh Đ; về con chung; về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Ngọc Q phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc Q và anh Tấn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 4 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã AH, huyện CT nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay giữa chị Quý và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, nên chị Quý yêu cầu ly hôn với anh Đ. Anh Đ có hộ khẩu thường trú ở ấp

CT, xã CD, huyện CT, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang.

Anh Nguyễn Tấn Đ là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Q xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị Quý yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị Quý và anh Đ đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Tòa án đến địa chỉ cư trú của anh Đ để tiến hành lấy lời khai theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do anh Đ vắng mặt tại nhà (BL 28). Quá trình giải quyết anh Đ đều vắng mặt tại các phiên hòa giải. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt họp lệ văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không có văn bản thể hiện ý kiến hay có nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị Quý. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị Quý và anh Đ đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc Q là được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Quá trình chung sống chị Nguyễn Ngọc Q xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do chị Nguyễn Ngọc Q có yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc Q được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42, quyền số 01/2015 ngày 09/4/2015 do Ủy ban nhân dân AH (huyện CT, An Giang) cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0003103 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh An Giang, được khấu trừ nên chị Nguyễn Ngọc Q đã nộp xong.

5. Chị Nguyễn Ngọc Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Tấn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.CT;
- Chi cục THADS.CT;
- UBND xã AH;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh

